TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/DS-PT
Ngày 08-10-2019
V/v đòi tài sản cho vay nợ (Tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Cao Đức Chiến;

Ông Hồ Đức Châm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLPT-DS, ngày 19 tháng 7 năm 2019 về kiện đòi tài sản cho vay nợ (Tiền).

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 49/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 58/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G

Địa chỉ: Số M, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn C, chức vụ: Phó Giám đốc công ty và bà Chu Thị M, chức vụ: Phó Phòng tổ chức - Hành chính công ty (Văn bản ủy quyền số 570/QLXDGT-TCHC-UQ, ngày 12/12/2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị công ty). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bế Quang H- Luật sư Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số B, đường C, khối B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Vũ Đình T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số B, đường L, khu đô thị P, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Bế Ngọc H, sinh năm 1987. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Vũ T, sinh năm 1985. Vắng mặt.

3. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1975. Vắng mặt.

4. Bà Lành Thị Q, sinh năm 1989. Vắng mặt.

5. Phòng Tổ chức - Hành chính Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G ; đại diện: Bà Vương Thị T, chức vụ: Phó Phòng Tổ chức - Hành chính Công ty. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số M, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Vũ Đình T được tiếp nhận về Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G (Công ty) làm nhân viên phòng Tổ chức Hành chính từ ngày 01/01/2016 theo Quyết định số 494/QĐ-QLXDGT- TCHC ngày 25/12/2015. Trong thời gian từ ngày 29/7/2016 đến 01/8/2018 ông T được giao nhiệm vụ phụ trách Cửa hàng Vật liệu xây dựng và Giới thiệu sản phẩm của Công ty theo quyết định số 124/QĐ-QLXDGT-TCHC ngày 29/7/2016. Khi ông T nhận bàn giao thì hàng cũ của Công ty giao lại có trị giá 26.375.916 đồng (số hàng này sau đó Công ty dùng vào làm công trình hết 3.216.555 đồng). Ông Vũ Đình T đề nghị và được Công ty cho tạm ứng 02 lần với tổng số tiền 40.000.000 đồng, thể hiện tại phiếu chi số 282 ngày 29/7/2016 tạm ứng 20.000.000 đồng và phiếu chi số 311 ngày 16/8/2016.

Ngày 26/7/2018, ông Vũ Đình T gửi đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động. Ngày 01/8/2018, Công ty đã có quyết định số 295/QĐQLXDGT/TCHC chấm dứt hợp đồng lao động với ông Vũ Đình T.

Tháng 8 năm 2017, Công ty đã làm việc với ông T về một số nội dung liên quan đến Cửa hàng và lập biên bản thống nhất các nội dung liên quan đến Cửa hàng, yêu cầu ông T hoàn ứng cho Công ty số tiền tạm ứng 40.000.000 đồng, tiền điện, nước từ ngày 01/6/2017 đến 01/7/2018 2.600.000 đồng, tiền thiếu hụt hàng cũ 2.271.520 đồng. Công ty đồng ý nhận lại số hàng cũ còn tồn trị giá 20.887.841 đồng; Công ty không đồng ý nhận số hàng do ông T mua mới còn tồn có trị giá 35.186.382 đồng và thanh toán số tiền 5.650.000 đồng ông T đã sử dụng vào việc làm biển quảng cáo, kệ để hàng, băng rôn, áp phích.

Công ty đồng ý thanh toán cho ông T số tiền sửa chữa Văn phòng 37.733.000 đồng, nhưng đối trừ với số tiền ông T còn nợ Công ty 44.871.520 đồng. Nay Công ty yêu cầu ông Vũ Đình T phải chịu trách nhiệm trả cho Công ty 40.000.000 đồng và nhận lại toàn bộ số hàng mới còn tồn trị giá 35.186.382 đồng.

Ông T chỉ đồng ý trả lại Công ty số tiền bán hàng cũ 2.271.520 đồng; tiền điện, nước dùng rửa xe 2.600.000 đồng, tổng cộng 4.871.520 đồng. Trong đơn yêu cầu phản tố, ông Vũ Đình T yêu cầu Công ty trả cho ông 37.733.000 đồng là tiền ông đã bỏ ra sửa chữa nhà Văn phòng Công ty. Ông T không đồng ý với ý kiến của Công ty buộc ông trả số tiền tạm ứng 40.000.000 đồng vì số tiền đã đầu tư mua hàng mới, làm giá để hàng, biển hiệu, mục đích để kinh doanh cho Công ty; số hàng này hiện đang niêm phong tại Công ty. Đối với phần chênh lệch giữa tiền mua hàng mới 34.350.000 đồng, khi kiểm kê số hàng còn tồn trị giá 35.186.382 đồng, ông T không có ý kiến gì vì trong quá trình kinh doanh thường xuyên có sự biến động lượng mua vào, bán ra.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Vũ Đình T được tiếp nhận về Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G (Công ty) làm nhân viên phòng Tổ chức Hành chính từ ngày 01/01/2016 theo Quyết định số 494/QĐ-QLXDGT- TCHC ngày 25/12/2015. Trong thời gian từ ngày 29/7/2016 đến 01/8/2018 ông T được giao nhiệm vụ phụ trách Cửa hàng Vật liệu xây dựng và Giới thiệu sản phẩm của Công ty theo quyết định số 124/QĐ-QLXDGT-TCHC ngày 29/7/2016. Khi ông T nhận bàn giao thì hàng cũ của Công ty giao lại có trị giá 26.375.916 đồng (số hàng này sau đó Công ty dùng vào làm công trình hết 3.216.555 đồng). Ông Vũ Đình T đề nghị và được Công ty cho tạm ứng 02 lần với tổng số tiền 40.000.000 đồng, thể hiện tại phiếu chi số 282 ngày 29/7/2016 tạm ứng 20.000.000 đồng và phiếu chi số 311 ngày 16/8/2016 tạm ứng 20.000.000 để tự chủ, tự chịu trách nhiệm việc kinh doanh tại Cửa hàng, ông T cam kết sẽ hoàn trả dần số tiền này hàng tháng cho Công ty trong thời hạn 02 năm. Sau khi cho ông T tạm ứng số tiền trên được một thời gian, Công ty không thấy ông T thực hiện hoàn ứng; do đó Công ty đã nhiều lần làm việc, yêu cầu ông T hàng tháng phải hoàn trả dần số tiền đã tạm ứng. Nhưng với lý do mới kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn, nên ông T không thực hiện hoàn trả tiền. Ngày 26/7/2018, ông Vũ Đình T gửi đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động. Ngày 01/8/2018, Công ty đã có quyết định số 295/QĐQLXDGT/TCHC chấm dứt hợp đồng lao động với ông Vũ Đình T.

Tháng 8 năm 2017, Công ty đã làm việc với ông T về một số nội dung liên quan đến Cửa hàng và lập biên bản thống nhất các nội dung liên quan đến Cửa hàng, yêu cầu ông T hoàn ứng cho Công ty số tiền tạm ứng 40.000.000 đồng, tiền điện, nước từ ngày 01/6/2017 đến 01/7/2018 2.600.000 đồng, tiền thiếu hụt hàng cũ 2.271.520 đồng. Tổng số tiền ông T phải trả cho Công ty 44.871.520 đồng. Công ty đồng ý nhận lại số hàng cũ còn tồn trị giá 20.887.841 đồng; Công ty không đồng ý nhận số hàng do ông T mua mới còn tồn có trị giá 35.186.382 đồng và thanh toán số tiền 5.650.000 đồng ông T đã sử dụng vào việc làm biển quảng cáo, kệ để hàng, băng rôn, áp phích. Công ty đồng ý thanh toán cho ông T số tiền sửa chữa Văn phòng 37.733.000 đồng, nhưng đối trừ với số tiền ông T còn nợ Công ty 44.871.520 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bế Ngọc H trình bày: Ông Bế Ngọc H được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G trước ông Vũ Đình T. Ông H và ông T đều được Công ty trả lương hàng tháng. Năm 2016, Công ty giao cho ông Vũ Đình T phụ trách cửa hàng Vật liệu xây dựng và Giới thiệu sản phẩm của Công ty, cửa hàng này mở ngay tại cửa Công ty (ở mặt đường, nằm trong đất của Công ty) tại số M, đường T, phường C, thành phố L. Cửa hàng bán các mặt hàng vật liệu xây dựng, hàng điện nước, hàng phục vụ giao thông như chóp nón cao su, băng rào cảnh báo, sơn kẻ đường. Khi ông T được giao phụ trách cửa hàng thì số hàng Công ty còn tồn bàn giao lại có trị giá 26.375.916 đồng; sau đó được sự chỉ đạo của lãnh đạo Công ty, ông T đã tạm ứng 40.000.000 đồng của Công ty để mua thêm hàng mới về kinh doanh. Tiền bán hàng phải nộp cho Công ty, còn việc ông T có nộp hay không thì ông H không biết, ông H không được chia tiền từ việc bán hàng. Ngoài ra, sau khi nhận bàn giao cửa hàng kinh doanh ông T có mua mới một số giá để hàng, biển quảng cáo, nhưng hết bao nhiêu tiền ông H không nắm được.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N, bà Lành Thị Q và ông Nguyễn Vũ T trình bày: Trong thời gian ông Vũ Đình T làm việc tại Công ty và được giao phụ trách cửa hàng Vật liệu xây dựng và Giới thiệu sản phẩm, bà Hoàng Thị N, bà Lành Thị Q và ông Nguyễn Vũ T đều làm việc tại Phòng Tổ chức - Hành chính và các phòng khác của Công ty và có được lãnh đạo Công ty cử tham gia đoàn kiểm kê hàng hóa tại cửa hàng do ông Vũ Đình T phụ trách 03 lần. Đối với số tiền do ông Vũ Đình T sửa chữa nhà Văn phòng Công ty, hiện nay Công ty vẫn chưa thanh toán cho ông Vũ Đình T chứ không phải Phòng Tổ chức - Hành chính giữ tiền lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày cùng quan điểm với nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 12-6-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ các Điều 163, 164, 166; 275, 280, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1, 4, 5, 8 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G , buộc ông Vũ Đình T phải trả cho Công ty số tiền 4.871.520 đồng (bốn triệu tám trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm hai mươi đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G về việc đòi ông Vũ Đình T hoàn trả 40.000.000 đồng tạm ứng (bốn mươi triệu đồng) vì không có căn cứ pháp luật.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Vũ Đình T, buộc Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G trả cho ông Vũ Đình T tiền sửa chữa nhà Văn phòng Công ty 37.733.000 đồng (ba mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G phải chịu 3.886.650 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung ngân sách Nhà nước. Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G đã nộp 1.121.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2012/03004 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn. Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G phải nộp tiếp 2.765.650 đồng. Ông Vũ Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Khấu trừ vào số tiền ông Vũ Đình T đã nộp 943.500 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2015/0001666 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Hoàn trả ông Vũ Đình T 643.500 đồng.

Ngoài ra Bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019 Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G là nguyên đơn kháng cáo, yêu cầu: Buộc ông Vũ Đình T phải trả cho công ty số tiền 40.000.000 đồng.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G giao nộp Quyết định về việc Ban hành quy chế làm việc kèm theo qui chế số 93B/QĐ-QLXDGT-TCHC ngày 25/7/2017 và Quyết định kèm theo qui chế số 112^{a}/QĐ-QLXDGT-TCHC ngày 22/6/2016 của Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G và bị đơn ông Vũ Đình T đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án; xét thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái với pháp luật và đạo đức xã hội, nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù vắng mặt những người tham gia tố tụng khác, nhưng các bên đương sự, Luật sư, Kiểm sát viên có ý kiến đề nghị phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, mặt khác tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có ý kiến được lưu trong hồ sơ vụ án và việc xét xử vắng mặt họ không ảnh hưởng đến quyền lợi cũng như nghĩa vụ của họ nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận các ý kiến đó và tiến hành xét xử theo qui định của pháp luật.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ông Vũ Đình T là nhân viên của Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G đã ứng vay vốn với Công ty chưa trả, nay Công ty kiện đòi ông Vũ Đình T phải thanh toán trả tiền cho Công ty, ngược lại ông Vũ Đình T cho rằng ông ứng tiền với Công ty nhưng là để mua hàng cho Công ty; như vậy cần xác định đây là quan hệ pháp luật kiện đòi tài sản cho vay nợ (Tiền), nên cần sửa lại quan hệ pháp luật cần giải quyết.

[4] Xét, đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Giao thông gửi trong hạn luật định hợp pháp theo quy định tại Điều 273, 276 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[5] Về nội dung: Ngày 01/01/2016, anh Vũ Đình T ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 14/HĐLĐ-TCHC với Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G ; từ ngày 29/7/2016 đến 01/8/2018 anh được giao phụ trách Cửa hàng Vật liệu xây dựng và Giới thiệu sản phẩm của Công ty, theo quyết định số 124/QĐ-QLXDGT-TCHC ngày 29/7/2016 và số 60/QĐ-QLXDGT-TCHC ngày 12/6/2017; Cửa hàng Vật liệu xây dựng và Giới thiệu sản phẩm của Công ty là cửa hàng kinh doanh các mặt hàng về vật liệu xây dựng, hàng điện nước, hàng phục vụ giao thông, khi nhận bàn giao cửa hàng thì số hàng cũ của Công ty còn tồn có trị giá 26.375.916 đồng; anh Vũ Đình T cho rằng được giao nhiệm vụ phụ trách cửa hàng nhưng không được tự chủ trong hoạt động. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, anh Vũ Đình T đã được Công ty cho tạm ứng 02 lần với tổng số tiền 40.000.000 đồng, thể hiện tại phiếu chi số 282 ngày 29/7/2016 tạm ứng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và phiếu chi số 311 ngày 16/8/2016 tạm ứng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để hoạt động kinh doanh và anh đã dùng số tiền đó để mua hàng mới, làm biển quảng cáo cùng các dụng cụ khác tại cửa hàng để phục vụ hoạt động của cửa hàng; đến 01/8/2018 anh xin chấm dứt hợp đồng lao động và được công ty đồng ý, nhưng công ty yêu cầu anh phải hoàn trả tiền đã tạm ứng là 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng) anh không đồng ý vì toàn bộ số tiền ứng với công ty anh đã dùng số tiền đó để mua hàng mới, làm biển quảng cáo cùng các dụng cụ khác tại cửa hàng để phục vụ hoạt động của cửa hàng; ngoài ra cũng trong năm 2018 anh còn sửa chữa văn phòng, làm thêm hệ thống mái tôn trị giá 37.733.000 đồng; riêng khoản tiền điện, nước anh kinh doanh dịch vụ rửa ô tô xe máy và tiền hàng cũ khi bàn giao bị thiếu hụt là 4.871.520 đồng, anh đồng ý thanh toán với công ty và Công ty phải thanh toán cho anh số tiền sửa chữa văn phòng, mái tôn trị giá 37.733.000 đồng. Về phía Công ty Cổ phần

Quản lý và Xây dựng G không đồng ý với ý kiến của anh T vì theo qui chế hoạt động của Công ty anh T được giao phụ trách cửa hàng có toàn quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh, việc anh T sửa chữa cửa hàng, làm biển quảng cáo, mua sắm các dụng cụ khác là để phục vụ việc kinh doanh của anh T, Công ty không thu khoản tiền nào của cửa hàng do anh T kinh doanh và thực tế anh T cũng thừa nhận chưa phải nộp khoản tiền nào cho Công ty; còn việc Công Ty cho anh T ứng 40.000.000 đồng là tạo điều kiện cho nhân viên của Công ty hoạt động kinh doanh tăng thu nhập theo qui chế hoạt động của Công ty và Công ty chỉ thu hồi phần tiền gốc đã ứng, không thu thêm khoản tiền nào khác; cho nên anh T phải hoàn trả Công ty số tiền đã ứng vay là 40.000.000 đồng cùng khoản tiền điện, nước anh T kinh doanh dịch vụ rửa ô tô xe máy và tiền hàng cũ khi bàn giao bị thiếu hụt là 4.871.520 đồng; còn số hàng anh T đã mua thì anh T có quyền được lấy lại để xử lý.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm hai bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể: Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G đồng ý không buộc anh Vũ Đình T phải thanh toán cho Công ty toàn bộ số tiền anh Vũ Đình T còn nợ Công ty và anh Vũ Đình T được nhận lại toàn bộ số hàng do anh T đã mua theo biên bản kiểm kê và đã được niêm phong, hiện đang lưu giữ tại cửa hàng của Công ty. Ngược lại anh Vũ Đình T không yêu cầu Công ty phải thanh toán cho anh bất cứ khoản tiền nào và anh được nhận lại toàn bộ số hàng anh đã mua theo biên bản kiểm kê và đã được niêm phong, hiện đang lưu giữ tại cửa hàng của Công ty. Với sự tự nguyện thỏa thuận như vậy, xét thấy không trái đạo đức xã hội, không trái với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo qui định của Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, do có tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm cho nên cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G tự nguyện chịu, không yêu cầu anh Vũ Đình T chịu. Vì vậy, Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 4.186.650 đồng được trừ số tiền tạm ứng án phí là 1.121.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/03004 ngày 27/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L. Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G còn phải nộp tiếp số tiền là 3.065.650 đồng. Do Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G tự nguyện chịu án phí nên hoàn trả cho anh Vũ Đình T số tiền tạm ứng án phí là 943.500 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0001666 ngày 01/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đã thỏa thuận giải quyết được vụ án; theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội nguyên đơn kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do đó Công ty Cổ

phần Quản lý và Xây dựng G phải chịu án phí phúc thẩm, xác nhận Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G đã nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số AA/2015/0001827 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 5; Điều 300; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 308; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463; 466; 467; 275, 280 của Bộ luật Dân sự; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn:

1. Công nhận sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự cụ thể: Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G đồng ý không buộc anh Vũ Đình T phải thanh toán cho Công ty toàn bộ số tiền anh Vũ Đình T còn nợ Công ty là 44.871.520 đồng và anh Vũ Đình T được nhận lại toàn bộ số hàng do anh T đã mua theo biên bản kiểm kê và đã được niêm phong hiện đang lưu giữ tại cửa hàng của Công ty. Ngược lại anh Vũ Đình T không yêu cầu Công ty phải thanh toán cho anh khoản tiền 37.733.000 đồng và anh được nhận lại toàn bộ số hàng anh đã mua theo biên bản kiểm kê và đã được niêm phong, hiện đang lưu giữ tại cửa hàng của Công ty.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G phải chịu 4.186.650 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung ngân sách Nhà nước. Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G đã nộp 1.121.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2012/03004 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn. Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G phải nộp tiếp 3.065.650 đồng.

Anh Vũ Đình T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả anh Vũ Đình T số tiền 943.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2015/0001666 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

3. Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm, xác nhận Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng G đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số AA/2015/0001827 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND tp Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS tp L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Xuân Sơn